TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 88 /2020/QĐST- HNGĐ	*Diễn Châu, ngày 24 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 120/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa;

Nguyên đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1959.

Hiện trú tại: khối 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị Thái Thị T, sinh năm 1979.

Trú quán: xóm H, xã DN, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào điều 212 và 213 của bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Trần Văn D, sinh năm 1959 và chị Thái Thị T, sinh năm 1979.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ tình cảm: Anh Trần Văn D và chị Thái Thị T thỏa thuận ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Trần Thị Hồng Nh, sinh ngày 30/7/2016 cho chị Thái Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Anh Trần Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và các vấn đề liên quan đến tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Anh Trần Văn D, chị Thái Thị T thỏa thuận anh D trợ cấp khó khăn cho chị T sau ly hôn số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Số tiền này hai bên thống nhất đã giao cho nhau tại tòa án.

- Về án phí: Anh D, chị T thỏa thuận anh Trần Văn D chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Trần Văn D chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) anh D đã nộp tại chi cục thi hành án Dân sự huyện D theo biên lai số 0004140 ngày 14 tháng 5 năm 2020. Anh D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

"Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều các 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự" (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Quang Trung

Nơi nhận:
- *VKSND huyện D;*
- *Chi cục T.H.A D;*
- *UBND thị trấn D, h D;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*